

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/DS-ST
Ngày: 21-02-2019
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN – THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Trần Thanh Thế.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Thanh Sơn.

2. Ông Trương Sô Huy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn tham gia phiên tòa: Bà Trần Cẩm Tú.

Trong ngày 21 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 132/2017/TLST-DS ngày 30/11/2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST-DS ngày 04/01/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2019/QĐST-DS ngày 24/01/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Hà Bửu Q**, sinh năm 1975. *(Có mặt)*

Địa chỉ: Số E, khu vực R, phường T, quận M, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Lâm Văn K**, là Luật sư Văn phòng Luật sư Sông Hậu – thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ. *(Có mặt)*

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1956.

Người đại diện hợp pháp: Bà **Nguyễn Hữu T**, sinh năm 1964. (Giấy ủy quyền ngày 11/01/2018) *(Vắng mặt)*

Cùng địa chỉ: Khu vực T, phường A, quận M, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Hữu T**, sinh năm 1964. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Khu vực T, phường A, quận M, thành phố Cần Thơ.

Người làm chứng:

- Ông **Phan Văn P**, sinh năm 1952. *(Vắng mặt)*

- Ông **Hà Hữu P1**, sinh năm 1981. *(Vắng mặt)*

- Ông **Phan Tấn Đ**, sinh năm 1989. *(Vắng mặt)*

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện Đ, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện ngày 30/8/2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Hà Hữu Q trình bày:*

Vào ngày 20/8/2016, ông có bán vườn măng cầu cho ông Nguyễn Văn N gồm 150 cây măng cầu xiêm và 100 cây măng cầu ta với giá 105.000.000 đồng, thời hạn 02 năm, có làm Hợp đồng mua bán vườn măng cầu ngày 20/8/2016. Theo thỏa thuận thì việc thanh toán được thực hiện 02 lần: Ngày 20/8/2016 giao số tiền 55.000.000 đồng; tháng 4/2017 giao số tiền 50.000.000 đồng. Ông N đã trả cho ông số tiền 55.000.000 đồng nhưng đến ngày giao tiền lần 2 thì ông N không thực hiện. Ông N cho rằng hợp đồng mua bán vườn măng cầu chỉ có giá trị 70.000.000 đồng nên ông N chỉ trả cho ông thêm 15.000.000 đồng, ông không đồng ý nên không nhận tiền của ông N. Ông đã nhiều lần yêu cầu ông N trả cho ông số tiền còn lại là 50.000.000 đồng nhưng ông N không đồng ý. Nay ông yêu cầu Tòa án buộc ông N trả cho ông số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

** Tại Bản tự khai ngày 08/01/2018 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn N (có đại diện là bà Nguyễn Hữu T) trình bày:*

Vào ngày 28/8/2016, ông N và ông Q có làm hợp đồng thuê vườn măng cầu lá của ông Q gồm có 150 cây măng cầu xiêm và 100 cây măng cầu ta với giá 70.000.000 đồng, thời hạn 02 năm, có làm Hợp đồng mua bán măng cầu lá ngày 28/8/2016. Ông N đã đưa trước cho ông Q số tiền 55.000.000 đồng không có làm biên nhận. Đến tháng 4/2017 ông N đưa cho ông Q số tiền còn lại là 15.000.000 đồng nhưng ông Q không nhận, ông Q cho rằng số tiền còn lại của hợp đồng là 50.000.000 đồng. Do ông N không đồng ý trả 50.000.000 đồng cho ông Q nên ông Q ngăn cản không cho ông N thu hoạch măng cầu. Nay ông N không đồng ý trả cho ông Q số tiền 50.000.000 đồng và ông cũng không đồng ý trả số tiền 15.000.000 đồng còn lại của hợp đồng vì ông Q ngăn cản ông N thu hoạch măng cầu.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Hữu T trình bày: Thống nhất ý kiến với trình bày của bị đơn.*

** Tại Bản tự khai ngày 08/01/2018, người làm chứng anh Hà Hữu P1 trình bày:*

Sau khi mua vườn măng cầu của ông Q thì bà Nguyễn Hữu T có thuê anh xịt thuốc vườn măng cầu, lúc này bà T có hỏi anh việc bà thuê vườn măng cầu 105.000.000 đồng có đất không, anh có nói là từ từ thì lấy lại vốn thôi. Anh chỉ biết sự việc như vậy, ngoài ra anh không còn biết gì khác liên quan đến việc tranh chấp giữa ông Q với ông N.

** Tại Bản tự khai ngày 08/01/2018, người làm chứng anh Phan Tấn Đ trình bày:*

Anh là con của ông Phan Văn P, chủ vườn măng cầu. Vào khoảng tháng 10/2016, ông có gặp bà Nguyễn Hữu T thì bà T có nói là thuê vườn măng cầu giá 105.000.000 đồng chắc không có lời. Anh có nói với bà T là vườn này cho thuê khoảng 90.000.000 đồng là được rồi. Anh chỉ biết sự việc như vậy, ngoài ra anh không còn biết gì khác liên quan đến việc tranh chấp giữa ông Q với ông N.

** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 19/6/2018, người làm chứng ông Phan Văn P trình bày:*

Ông là chủ vườn măng cầu hiện ông Hà Bửu Q và ông Nguyễn Văn N đang tranh chấp. Vào ngày 02/12/2015 (Âm lịch), ông có làm hợp đồng bán vườn măng cầu lá cho ông Q giá 175.000.000 đồng, trong đó 01 bờ của ông giá 100.000.000 đồng và 01 bờ của con gái ông giá 75.000.000 đồng, thời hạn 03 năm (do giấy tờ đất hiện ông đứng tên nên ông đứng ra làm hợp đồng mua bán với ông Q).

Khi ông bán vườn măng cầu lá cho ông Q thì vườn măng cầu đã trồng được khoảng 18 tháng, chưa thu hoạch lần nào. Sau đó, ông Q có đầu tư thêm phân thuốc vào vườn măng cầu, đến khoảng 07 tháng sau thì ông Q bán lại vườn măng cầu (phần bờ của con ông) cho ông N, lúc này ông Q cũng chưa thu hoạch.

Việc mua bán giữa ông Q với ông N như thế nào thì ông không biết. Tuy nhiên, do nhà của ông liền kề với vườn măng cầu nên ông thường gặp vợ chồng ông N, bà T đến làm vườn. Ông có nghe vợ chồng ông N nói mua lại vườn măng cầu này 105.000.000 đồng. Sau đó, bà T có đến gặp ông mượn tờ hợp đồng mua bán vườn măng cầu lá giữa ông với ông Q để xem. Đến khi chồng tiền lần 2 cho ông Q thì 02 bên có cự cãi với nhau vì chênh lệch giá mua bán. Ông có hỏi sao lúc trước vợ chồng ông N nói mua vườn măng cầu 105.000.000 đồng mà nay lại nói 70.000.000 đồng, lúc này bà T cho rằng không có nói như vậy.

Theo ông thì giá mua bán vườn măng cầu lá là 105.000.000 đồng là phù hợp. Bởi vì ông Q mua đi bán lại thì phải có lời, ông Q đã mua vườn măng cầu lá của ông giá 75.000.000 đồng và đầu tư thêm công sức, tiền của khoảng 7 tháng mới bán lại cho ông N. Do bận công việc nên ông xin được vắng mặt.

Tại phiên hòa giải, các đương sự đã không thỏa thuận được với nhau nên vụ kiện được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa hôm nay,

- Luật sư Lâm Văn K phát biểu quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Giao dịch mua bán vườn măng cầu giữa ông Q và ông N là có thật, do ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ông Q khởi kiện. Căn cứ kết luận giám định thì chữ ký của ông N trên tờ hợp đồng do ông Q cung cấp là thật; đồng thời, chữ ký tên Hà Bửu Q trên hợp đồng do ông N cung cấp không phải chữ ký của ông Q. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Q, buộc ông N trả cho ông Q số tiền 50.000.000 đồng.

- Nguyên đơn ông Hà Bửu Q thống nhất ý kiến với quan điểm của Luật sư. Ông Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông N trả số tiền 50.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn N (có đại diện là bà Nguyễn Hữu T) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Hữu T vắng mặt không có lý do.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng mua bán”, xác định tư cách đương sự và tiến hành thu thập chứng cứ đúng quy định.

+ Về nội dung: Qua xem xét các tài liệu chứng cứ và diễn biến tại phiên tòa, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn cho rằng có bán cho bị đơn vườn măng cầu và có làm hợp đồng, vấn đề này đã được bị đơn thừa nhận nên có cơ sở để xác định giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn là có thật, trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh tranh chấp, nguyên đơn khởi kiện nên quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”. Đây là tranh chấp dân sự giữa cá nhân với cá nhân, được pháp luật dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 và Điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn N (có đại diện là bà Nguyễn Hữu T) và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Hữu T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đã vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông N, bà T theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn ông Q cho rằng, vào ngày 20/8/2016, ông Q và ông N có hợp đồng mua bán vườn măng cầu với giá 105.000.000 đồng, hợp đồng được soạn sẵn có thời hạn 02 năm (tính theo ngày âm lịch) kể từ ngày 20/8/2016 đến 20/8/2018, tuy nhiên khi ký hợp đồng thì ông Q tự nguyện cho thêm thời hạn nên có sửa lại phần thời hạn (viết tay) là đến ngày 2/12/2018 hết hạn hợp đồng. Theo đó, trong thời gian từ 20/8/2016 đến 2/12/2018, ông N được quyền quản lý, sử dụng và thu hoạch vườn măng cầu. Việc thanh toán được thực hiện 02 lần: Ngày 20/8/2016 giao số tiền 55.000.000 đồng; tháng 4/2017 giao số tiền 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông N đã không thực hiện đúng thỏa thuận, ông N chỉ giao cho ông Q số 55.000.000 đồng, còn lại số tiền 50.000.000 đồng cho đến

nay vẫn chưa thanh toán. Do đó, ông Q khởi kiện yêu cầu ông N trả cho ông Q số tiền 50.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bà T (đại diện cho ông N) thì cho rằng ông Q và ông N có thỏa thuận mua bán vườn măng cầu lá vào ngày 28/8/2016, có làm hợp đồng mua bán với giá 70.000.000 đồng, thời hạn 02 năm từ ngày 20/8/2016 đến ngày 20/12/2018 (âm lịch). Ông N đã đưa cho ông Q số tiền 55.000.000 đồng. Đến tháng 4/2017 ông N tiếp tục đưa số tiền còn lại là 15.000.000 đồng nhưng ông Q không nhận mà đòi trả thêm số tiền 50.000.000 đồng. Do ông N không đồng ý trả 50.000.000 đồng nên ông Q ngăn cản không cho ông N thu hoạch măng cầu gây thiệt hại cho ông N. Do đó, ông N không đồng ý trả số tiền còn lại cho ông Q.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Giao dịch mua bán vườn măng cầu đã được ông Q và ông N thừa nhận, đồng thời, các bên cũng thống nhất với nhau việc ông N đã giao cho ông Q số tiền 55.000.000 đồng. Tuy nhiên, các bên còn đang tranh chấp với nhau về giá trị của hợp đồng mua bán. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Q cung cấp 01 Hợp đồng mua bán vườn măng cầu ngày 20/8/2016 có giá trị 105.000.000 đồng, phía ông N cung cấp 01 Hợp đồng mua bán măng cầu lá ngày 28/8/2016 có giá trị 70.000.000 đồng. Cả 02 hợp đồng đều có chữ ký ghi tên Hà Bửu Q và Nguyễn Văn N. Phía ông Q không thừa nhận chữ ký của mình trong tờ hợp đồng ngày 28/8/2016, còn ông N thì không thừa nhận chữ ký của mình trong tờ hợp đồng ngày 20/8/2016.

Vụ án đã được đưa ra xét xử sơ thẩm (lần 1) vào ngày 16/8/2018. Tại phiên tòa ngày 16/8/2018, ông Q xác định chữ viết tay “*Nguyễn Văn N ... 1956 ... Thới Thuận A*” phía trên hợp đồng và chữ ký, chữ viết tên phía dưới mục Bên B của Hợp đồng mua bán vườn măng cầu ngày 20/8/2016 đều là chữ ký, chữ viết của ông N nhưng bà T phủ nhận; đồng thời bà T cho rằng chữ viết tay “*NG VĂN NHIỀU ... 1956...360976286... khu vực Thới Thuận A*” phía trên hợp đồng và chữ ký, chữ viết tên phía dưới mục Bên A của Hợp đồng mua bán măng cầu lá ngày 28/8/2016 đều là chữ ký, chữ viết của ông Q.

Theo yêu cầu của Quý, Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông Q và ông N trong 02 tờ hợp đồng nêu trên để làm cơ sở giải quyết vụ án. Tại Kết luận giám định số 4091/C09B ngày 26/11/2018 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận:

1. Chữ viết nội dung “*Nguyễn Văn N ... Thới Thuận A*” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 (hợp đồng ngày 20/8/2016) so với chữ viết đứng tên Nguyễn Văn N trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3, M4, M8 là do cùng một người viết ra.

2. Chữ ký mang tên Nguyễn Văn N, chữ viết họ tên “*Nguyễn Văn N*” dưới mục “*Bên B*” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 (hợp đồng ngày 20/8/2016) so với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Văn N trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 đến M8 là do cùng một người ký và viết ra.

3. Chữ viết nội dung “NG VĂN NHIỀU ... 1956...360976286... khu vực Thới Thuận A” trên tài liệu ký hiệu A2 (hợp đồng ngày 28/8/2016) so với chữ ký đứng tên Hà Bửu Q trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M13, M14 không phải do cùng một người viết ra.

4. Chữ ký mang tên Hà Bửu Q, chữ viết họ tên “Hà Bửu Q” dưới mục “Bên A” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 (hợp đồng ngày 28/8/2016) so với chữ ký, chữ viết đứng tên Hà Bửu Q trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M6, M7, M9 đến M12 là không phải do cùng một người ký và viết ra.

5. Không đủ cơ sở để kết luận chữ viết nội dung “... 1956....” Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 (hợp đồng ngày 20/8/2016) so với chữ viết đứng tên Nguyễn Văn N trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3, M4, M8 là có phải do cùng một người viết ra hay không.”

Từ kết luận giám định trên cho thấy, ông N có ký tên vào tờ Hợp đồng mua bán vườn măng cầu ngày 20/8/2016, còn chữ ký tên Hà Bửu Q trong Hợp đồng mua bán măng cầu lá ngày 28/8/2016 không phải chữ ký của ông Q. Do đó, có đủ cơ sở để khẳng định giao dịch mua bán vườn măng cầu giữa ông Q và ông N được thể hiện tại Hợp đồng mua bán vườn măng cầu ngày 20/8/2016 do ông Q cung cấp là thật, điều đó cũng cho thấy hợp đồng mua bán giữa các bên có giá trị 105.000.000 đồng, ông N thừa nhận đã trả cho ông Q số tiền 55.000.000 đồng nên cần buộc ông N thanh toán số tiền 50.000.000 đồng còn lại cho ông Q là phù hợp.

Do ông Q không có yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm của Luật sư Lâm Văn K cũng như yêu cầu của ông Q phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Q và quan điểm của Luật sư là có căn cứ nên được chấp nhận.

Đối với việc bà T cho rằng ông Q có hành vi ngăn cản ông N thu hoạch măng cầu gây thiệt hại cho ông N, tuy nhiên ông Q không thừa nhận vấn đề này, phía bị đơn không chứng minh được và cũng không có yêu cầu cụ thể nên không có cơ sở để xem xét.

[5] Về chi phí giám định chữ ký: Nguyên đơn đã tạm nộp số tiền 4.400.000 đồng, đã chi phí hết cho 2 lần giám định chữ ký. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc bị đơn trả lại toàn bộ chi phí này cho nguyên đơn.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên bị đơn ông Nguyễn Văn N phải chịu án phí với số tiền là (50.000.000 đồng x 5%) 2.500.000 đồng. Ông Q được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Tính đến thời điểm xét xử, ông N là đối tượng người cao tuổi, lẽ ra được miễn án phí theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Tuy nhiên, do ông N không có đơn

yêu cầu miễn án phí theo quy định tại Điều 14 của Nghị quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Do đó, ông N phải nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Điều 116, Điều 357, Điều 430, Điều 433, Điều 434, Điều 440 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hà Bửu Q đối với ông Nguyễn Văn N.

Buộc ông Nguyễn Văn N trả cho ông Hà Bửu Q số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về chi phí giám định chữ ký: Ông Nguyễn Văn N phải trả lại cho ông Hà Bửu Q số tiền 4.400.000 đồng (*Bốn triệu bốn trăm nghìn đồng*).

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn N phải nộp số tiền 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

- Ông Hà Bửu Q được nhận lại số tiền 1.250.000 đồng (*Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 001603 ngày 28/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.Cần Thơ;
- VKSND TP.Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q.Ô Môn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Trần Thanh Thế

